

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN NÚI ĐỐI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Núi Đối, ngày 15 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN NÚI ĐỐI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 06 năm 2022;

Căn cứ nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Tổ dân phóng tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 về việc thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thị trấn Núi Đối;

Theo đề nghị của Công chức Văn phòng - Thống kê thị trấn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy định về công tác Thi đua - Khen thưởng thị trấn Núi Đối.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân thị trấn và các ông, bà thành viên Hội đồng Thi đua khen thưởng thị trấn, các ban, ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội thị trấn và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT ĐU, TT HĐND thị trấn ;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Anh Dương

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN NÚI ĐỐI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ THI ĐUA- KHEN THƯỞNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10/QĐ-UBND

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Đối)

Chương I.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thị trấn Núi Đối bao gồm: Nội dung, hình thức tổ chức các phong trào thi đua, tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng; đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; trách nhiệm quản lý nhà nước và thẩm quyền quyết định, trao tặng khen thưởng; quy định về hồ sơ thủ tục khen thưởng, tổ chức trao thưởng; quyền lợi và nghĩa vụ của các tập thể, cá nhân tham gia các phong trào thi đua, khen thưởng; quỹ thi đua khen thưởng; xử lý hành vi vi phạm về công tác thi đua khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua:

Công dân Việt Nam, cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị trấn Núi Đối.

2. Đối tượng khen thưởng:

Cán bộ, công chức, người lao động, tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân địa phương có những đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của thị trấn Núi Đối đều được xem xét khen thưởng theo quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng:

Nguyên tắc thi đua thực hiện theo quy định Luật Thi đua, Khen thưởng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và ngày 16/11/2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng (gọi tắt là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP); Quyết định số 2962/2016/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về công tác Thi đua - Khen thưởng tại thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào kết quả thực hiện nội dung thi đua của tập thể, cá nhân đã đăng ký tham gia phong trào thi đua. Những trường hợp không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

Để đạt các danh hiệu thi đua, các tập thể và cá nhân phải đăng ký danh hiệu thi đua, gửi về Thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng thị trấn (qua Văn phòng UBND thị trấn) vào đầu tháng 01 hàng năm.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

Nguyên tắc khen thưởng được thực hiện theo quy định Luật Thi đua, Khen thưởng; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14/6/2005 và ngày 16/11/2013; Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và Quyết định số 2962/2016/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về công tác Thi đua - Khen thưởng tại thành phố Hải Phòng.

a) Việc xét khen thưởng phải trên cơ sở đánh giá đúng hiệu quả công tác của các tập thể và cá nhân, kết hợp với việc phân loại đánh giá cán bộ, công chức, người lao động khi tổng kết năm theo quy định Luật Cán bộ, Công chức; Thành tích khen thưởng phải rõ ràng, cụ thể, đạt được ở mức độ nào thì khen thưởng ở mức độ đó, chú trọng khen thưởng cho cá nhân trong điều kiện thực hiện nhiệm vụ khó khăn nhưng năng động, sáng tạo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, quan tâm khen thưởng cho tập thể nhỏ và cá nhân trực tiếp lao động, sản xuất là chính; khen thưởng phải kịp thời, đúng thành tích đảm bảo động lực thúc đẩy phát triển.

b) Trong một năm, không trình khen thưởng 02 Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện cho cùng một tập thể hoặc một cá nhân, trừ những trường hợp khen thưởng đột xuất. Khi bình xét khen thưởng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trở lên, Hội đồng thi đua - khen thưởng phải tiến hành bỏ phiếu kín, kết quả đạt từ 90% trở lên mới lập thủ tục, hồ sơ đề nghị lên cấp trên xét khen thưởng.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua, công tác khen thưởng:

1. Hội đồng thi đua khen thưởng thị trấn :

- Tham mưu xây dựng các kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong toàn thị trấn ;

- Tổng hợp kết quả thực hiện các phong trào thi đua, thành tích của tập thể, cá nhân tham mưu cho Ủy ban nhân dân thị trấn thủ tục khen thưởng đúng theo quy định của Luật thi đua khen thưởng.

2. Trưởng các ban ngành, đoàn thể, cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn thị trấn , tổ dân phố trưởng các tổ dân phố tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý. Có trách nhiệm tuyên truyền các quy định của Pháp luật về thi đua khen

thường; phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, nêu gương điển hình tiên tiến, người tốt việc tốt, cổ động phong trào thi đua; đồng thời đấu tranh, phê phán hành vi vi phạm Pháp luật về thi đua, khen thưởng.

3. Ủy ban nhân dân thị trấn :

- Đề nghị Ủy ban MTTQ thị trấn và các tổ chức trong hệ thống chính trị theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước để triển khai phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm và nhân rộng điển hình tiên tiến; tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

b) Giám sát việc thực hiện và đề xuất giải pháp để thực hiện các quy định của Pháp luật về thi đua, khen thưởng.

- Khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc theo đề nghị của Hội đồng thi đua khen thưởng thị trấn theo thẩm quyền. Lập hồ sơ trình cấp trên xem xét khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc.

Điều 5. Những trường hợp không xét thi đua, khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân không đăng ký thi đua;

2. Cán bộ, Công chức, người lao động mới tuyển dụng dưới 10 tháng;

3. Trong một năm nếu nghỉ việc trên 40 ngày làm việc (trừ trường hợp nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản, những người trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế).

4. Những tập thể, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính, trong thời gian đang chờ xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

6. Bí thư Chi bộ, Đảng viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì không xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng cho tập thể Chi bộ đó.

Điều 6. Tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng đối với những trường hợp được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, chuyển công tác, nghỉ thai sản

1. Các trường hợp đi học, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, mà chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác ở địa phương, đơn vị để xét danh hiệu lao động tiên tiến.

2. Các trường hợp đi đào tạo từ 01 năm trở lên, nếu đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên, chấp hành tốt nội quy của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng (có giấy xác nhận) thì năm đó được xét tặng danh hiệu lao động tiên tiến, để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng khác cao hơn.

3. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu Lao động tiên tiến.

Chương II. TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức thi đua:

1. Thi đua thường xuyên: Là hình thức thi đua được tổ chức thực hiện hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm nhằm thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và chương trình công tác đề ra.

2. Thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề) được tổ chức để thực hiện những nhiệm vụ công tác trọng tâm, đợt xuất theo từng giai đoạn và thời gian xác định.

Thi đua thường xuyên phải được xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và được tổ chức theo khối, tổ dân phố để ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiến hành tổng kết, đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua. Thi đua theo đợt (hoặc chuyên đề) được phát động khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu và thời gian.

Điều 6. Phát động phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi địa phương.

2. Các ban ngành, đoàn thể, các Tổ dân phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức phong trào thi đua và bình xét thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn khen thưởng.

Điều 7. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định 42/2010/NĐ-CP và những nội dung sau:

1. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện phong trào thi đua chú trọng: Công tác chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra; nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Chương III DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 8. Danh hiệu thi đua gồm:

Các danh hiệu thi đua được quy định tại Điều 20 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

1. Đối với cá nhân:

-Chiến sỹ thi đua cơ sở

- Lao động tiên tiến.

2. Đối với tập thể:

- Tập thể lao động xuất sắc

- Tập thể lao động tiên tiến

- Tổ dân phố văn hóa

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình: “Gia đình văn hóa”.

Điều 9. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”:

Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” được xét tặng cho các cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Là “Lao động tiên tiến”

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

c) Thực hiện nghiêm Quy định trách nhiệm, cách thức xin lỗi của cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và mức độ ảnh hưởng của sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

Tỷ lệ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”:

- Đối với thị trấn : Không quá 20% đối với số cán bộ, công chức của đơn vị, trong đó số cá nhân không giữ chức vụ phải đạt 35% trở lên tổng số đề nghị;

Điều 10. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”:

Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013, cụ thể như sau:

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

đ) Thực hiện nghiêm Quy định trách nhiệm, cách thức xin lỗi của cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động thị trấn hội;

b) gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

3. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc tham gia phòng chống thiên tai tìm kiếm cứu nạn, có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

6. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được biệt động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

7. Không xét tặng các danh hiệu từ “Lao động tiên tiến” trở lên đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ việc từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.

Điều 11. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được quy định tại Điều 27 của Luật Thi đua, khen thưởng và được xét tặng hàng năm, cụ thể như sau:

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng cho tập thể có thành tích xuất sắc trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm và đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân hoàn thành nhiệm vụ, trong đó có ít nhất 70% đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Phải có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

e) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức Đảng, đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh; tổ chức thực hiện tốt các nội dung cải cách hành chính; không có cá nhân vi phạm tệ nạn thị trấn hội, vi phạm pháp luật, an toàn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng; vi phạm chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

2. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

Tập thể cán bộ, công chức cấp thị trấn ;

3. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương xét đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” không quá 20% trong số đối tượng thuộc Khoản 2 đạt các tiêu chuẩn của Khoản 1 của Điều này.

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”:

Được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tổ chức thực hiện tốt các nội dung Cải cách hành chính. Tổ chức Đảng, đoàn thể vững mạnh trở lên.

Điều 13. Danh hiệu thi đua khác

Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương xét tặng mỗi năm một lần và thực hiện theo quy định tại Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2012 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”.

Chương IV

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 14. Hình thức khen thưởng

Bằng khen, Giấy khen.

Điều 15. Đối tượng và tiêu chuẩn tặng Giấy khen Chủ tịch UBND huyện

1. Khen thưởng đột xuất: Tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của nhà nước, lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng lớn.

Việc đề nghị khen thưởng phải thực hiện ngay sau khi tập thể, cá nhân đó lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

2. Khen thưởng theo chuyên đề: Tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt thành tích xuất sắc sau khi kết thúc một đợt thi đua thực hiện các chương trình mục tiêu, các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước...của Cấp ủy, chính quyền địa phương do các cấp, các ngành tổ chức, phát động hoặc hoàn thành một công trình.

Khen thưởng thành tích chuyên đề chủ yếu khen cho các đối tượng trực tiếp thực hiện nội dung chuyên đề. Các đối tượng tham gia gián tiếp (lãnh đạo, chỉ đạo) thì thành tích tham gia chuyên đề xét chung vào thành tích hàng năm tại đơn vị công tác. Trường hợp các đối tượng tham gia nhiều chuyên đề, có thành tích xuất sắc, trong năm chỉ được Ủy ban nhân dân thị trấn đề nghị Chủ tịch UBND huyện xét tặng Giấy khen một lần.

Tỷ lệ xét khen mỗi chuyên đề không quá 10% số tổ chức thực hiện chuyên đề và 15% số cá nhân trực tiếp thực hiện chuyên đề.

3. Khen thưởng thường xuyên (tổng kết năm): Tặng thưởng hàng năm cho các tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

*** Đối với cá nhân:**

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong 02 năm liên tục;
- b) Có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đi đầu trong các phong trào thi đua, tích cực tham gia các hoạt động thị trấn hội, tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
- c) Nếu là Đảng viên phải được phân loại Đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ và phải đạt “Lao động tiên tiến” hoặc “Chiến sỹ tiên tiến”.

Tỷ lệ được xét đề nghị Chủ tịch UBND huyện khen thưởng: Không quá 15% số cá nhân đủ điều kiện của các đơn vị.

*** Đối với tập thể:**

- a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ được giao trong 02 năm liên tục;
- b) Nội bộ đoàn kết, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tổ chức tốt phong trào thi đua trong cơ quan, đơn vị, địa phương;

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở thị trấn : Hàng năm Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thị trấn đề nghị Chủ tịch UBND huyện tặng Giấy khen không quá 20% số đơn vị .

5. Đối với cán bộ không chuyên trách và tổ dân phố:

Hàng năm Chủ tịch UBND thị trấn đề nghị được UBND huyện xét tặng Giấy khen về thành tích thực hiện nhiệm vụ phải là những tập thể, cá nhân thực sự tiêu biểu xuất sắc, đi đầu trong phong trào thi đua, có sáng kiến mới trong công tác đưa lại hiệu quả (*khen thưởng tổng kết năm*). Tỷ lệ xét trình khen cho đối tượng này không quá 10% đối với cá nhân và 15% tập thể ở thị trấn .

Giấy khen của Chủ tịch UBND thị trấn :

Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gương mẫu thực hiện hương ước có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

Chương V

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 16. Thẩm quyền công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn :

- a) Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình văn hóa” và Giấy khen;
- b) Trình Chủ tịch UBND huyện tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” đối với cán bộ, công chức, công nhân người lao động thuộc quản lý của cấp thị trấn và “Tập thể lao động tiên tiến” cho tập thể cán bộ, công chức thị trấn ;
- c) Trình Chủ tịch UBND huyện đề nghị cấp có thẩm quyền tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.
- d) Không khen thưởng và trình khen thưởng các đối tượng không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật thuộc thẩm quyền quản lý của mình
- e) Đảm bảo tỷ lệ khen thưởng theo quy định.

Điều 17. Thủ tục, hồ sơ xét đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a. Khen thưởng thường xuyên:

- + Tờ trình đề nghị khen thưởng của thị trấn có danh sách đề nghị kèm theo;
- + Báo cáo thành tích: 01 bộ (có xác nhận của thị trấn);
- + Biên bản họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng của thị trấn .

b. Khen thưởng chuyên đề và khen thưởng phong trào thi đua:

- + Tờ trình đề nghị khen thưởng của đơn vị có danh sách đề nghị kèm theo;
- + Báo cáo thành tích: 01 bộ (có xác nhận của đơn vị trình khen);
- + Biên bản họp xét khen thưởng của cơ quan, đơn vị trình khen.

c. Thủ tục đơn giản (chỉ áp dụng khen thưởng đột xuất).

- + Tờ trình và danh sách đề nghị khen thưởng;
- + Bản tóm tắt thành tích của tổ chức, cá nhân đề nghị khen thưởng.

d. Số lượng: 01 bản

3. Tổ chức, cá nhân làm báo cáo thành tích khen thưởng phải chịu trách nhiệm về nội dung, thành tích trước cơ quan trình khen và trước pháp luật theo quy định.

Điều 18. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng:

Hồ sơ khen thưởng ở thị trấn do Văn phòng UBND thị trấn lưu trữ.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 19. Nguồn hình thành quỹ thi đua, khen thưởng các cấp

Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

Quỹ thi đua khen thưởng của thị trấn được hình thành từ nguồn ngân sách

nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên ở mỗi cấp ngân sách và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức và các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 20. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi in ấn giấy chứng nhận, giấy khen, biểu mẫu hồ sơ khen thưởng; làm khung, hiện vật khen thưởng.
2. Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm.
3. Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua.

Điều 21. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

Quỹ thi đua khen thưởng của cấp thị trấn do UBND cấp thị trấn quản lý. Nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch chi trong năm, việc thanh, quyết toán quỹ khen thưởng theo đúng chế độ, chính sách.

Điều 22. Mức tiền thưởng

1. Tiền thưởng cho tập thể, cá nhân được khen thưởng tính trên mức lương cơ sở do Chính phủ quy định có hiệu lực tại thời điểm được khen thưởng.
2. Mức tiền thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76 Nghị định 42/2010/NĐ-CP của Chính Phủ.
3. Tiền thưởng kèm theo Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng được tính như sau:
 - a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, cùng một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức thưởng cao nhất.
 - b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua; thời gian để đạt danh hiệu thi đua khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.
 - c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của cả danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.
4. Khen thưởng đột xuất, “người tốt, việc tốt”, hành động dũng cảm, đạt giải trong các hội thi, hội diễn tùy theo thành tích, điều lệ, phạm vi tác dụng và khả năng Quỹ thi đua, khen thưởng để thưởng, nhưng không quá hai lần mức thưởng theo quy định. Trường hợp đặc biệt Chủ tịch UBND thị trấn quyết định.

Chương VII.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Xử lý vi phạm:

Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về Thi đua, khen thưởng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và hậu quả sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 80, 81 Nghị định 42/2010/NĐ-CP của Chính Phủ.

Điều 24. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Ủy ban nhân dân thị trấn ký quyết định ban hành.

Trưởng các ban, ngành, đoàn thể thị trấn, tổ dân phố trưởng các tổ dân phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thị trấn chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có những nội dung chưa phù hợp, yêu cầu các ban, ngành, đoàn thể phản ánh về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thị trấn để tổng hợp báo cáo trình UBND thị trấn bổ sung, sửa đổi./.